TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHƯỚC,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:168/2022/HNGĐ-ST Ngày 23-5-2022 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂNDANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phương.

2. Ông Nguyễn Văn Tôn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Định – Kiểm sát viên.

Ngày 23tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và thực hiện nghĩa vụ với người thứ ba khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Kiều Thị T, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành C, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Quỹ tín dụng nhân dân P; địa chỉ: Thôn G, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Việt K, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn G, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 21/4/2022); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng02 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụá và tại phiên tòa,nguyên đơn chị Kiều Thị T trình bày:*Chị và anh Nguyễn

Thành C quen biết 01 thời gian rồi tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 9 năm 2003 tại UBND xã Phước Hiệp. Gần đây cuộc sống vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không còn tiếng nói chung. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là Nguyễn Phi H, sinh năm 1999 và Nguyễn Nhất H1, sinh ngày 19/7/2004. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu H1 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Cháu H đã trên 18 tuổi nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị có nợ Quỹ tín dụng nhân dân P số tiền 300.000.000 đồng. Nếu Quỹ tín dụng yêu cầu thì chị đồng ý trả nợ.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Quỹ tín dụng nhân dân P trình bày: Vợ chồng anh Nguyễn Thành C và chị Kiều Thị T có vay của Quỹ tín dụng nhân dân P số tiền 300.000.000 đồng, theo hợp đồng vay vốn số 521.21HĐVV ngày 17/12/2021, thời hạn vay 20 tháng, mục đích vay mua đất ở, lãi suất vay 7,5%/năm. Tính đến ngày 23/5/2022, vợ chồng chị T, anh C còn nợ của Quỹ tín dụng nhân dân P số tiền 304.321.000 đồng, trong đó bao gồm 300.000.000 đồng tiền gốc và 4.321.000 đồng tiền lãi. Nay vợ chồng chị T, anh C ly hôn, Quỹ tín dụng yêu cầu vợ chồng anh chị trả số nợ trên.

Tại phiên Toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị T được ly hôn, giao con chung cho chị Tchăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Tkhông yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xét. Buộc chị T anh C trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Kiều Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con với anh Nguyễn Thành C là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh C đang cư trú tại Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Cvẫn vắng mặt không có lý do.Do đó, áp dụng Điều 227Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, chỉ có chị Tvà Quỹ tín dụng nhân dân P cung cấp tài liệu chứng cứ. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào những tài liệu chứng cứ này và kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án để giải quyết vụ án.

[4] Về hôn nhân: Chị Kiều Thị Tvà anh Nguyễn Thành Ctự nguyện đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 9 năm 2003 tại UBND xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước nên hôn nhân giữa chị T, anh Clà hôn nhân hợp pháp. Chị T yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Là vợ chồng nhưng chị T, anh C đã không còn sự tôn trọng, quan tâm lẫn nhau. Về kinh tế thì phần ai người ấy lo, không san sẻ cùng nhau. Nay chị T xin ly hôn anh C biết nhưng cũng không có ý kiến gì để hàn gắn. Điều đó có thể chứng minh tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh Cđã lâm vào tình trạng trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị T được ly hôn anh C.

[5] Về quan hệ con chung: Chị T, anh Ccó 02 con chung là Nguyễn Phi H, sinh năm 1999 và cháu Nguyễn Nhất H1, sinh năm 2004. Hội đồng xét xử xét thấy cháu H1 hiện đã nghỉ học, đi làm. Chỉ khoản 02 tháng nữa là cháu H1 đủ 18 tuổi do đó việc giao cháu cho ai nuôi dưỡng không ảnh hưởng đến sự phát triển của cháu. Do đó,áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân vàgia đình giao H1 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.Cháu H đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về nợ chung: Chị T và anh C có nợ của Quỹ tín dụng nhân dân P số tiền 304.321.000 đồng, trong đó bao gồm 300.000.000 đồng tiền gốc và 4.321.000 đồng tiền lãi. Áp dụng Điều 37, Điều 60 của Luật hôn nhân và gia đình, chị T, anh C mỗi người phải có trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng nhân dân P ½ số nợ tương ứng với 152.160.500 đồng, trong đó bao gồm 150.000.000 đồng tiền gốc và 2.160.500 đồng tiền lãi.

[7] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét. Tuy nhiên, hiện tại tài sản chung của chị T, anh C là thửa đất số 259, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định và các tài sản trên đất được chị T, anh C dùng để thế chấp để vay vốn tại Quỹ tín dụng. Do đó, trường hợp chị T hoặc anh C không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Quỹ tín dụng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

[8] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Kiều Thị Tphải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 152.160.500 đồng x 5% = 7.608.000 đồng tiền án phí thực hiện nghĩa vụ với người

thứ ba. Tổng cộng chị T phải chịu 7.908.000 đồng. Anh Nguyễn Thành C phải chịu 152.160.500 đồng x 5% = 7.608.000 đồng tiền án phí thực hiện nghĩa vụ với người thứ ba.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 37, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 60, khoản 2 Điều 81,các Điều 82, 83, 84của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1.Cho chị Kiều Thị Tđược ly hôn anh Nguyễn Thành C.

2. Giao con chung là cháu Nguyễn Nhất H1, sinh ngày 19 tháng 7 năm 2004 cho chị Kiều Thị Ttrực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Buộc chị Kiều Thị T trả cho Quỹ tín dụng nhân dân P 152.160.500 (một trăm năm mươi hai triệu một trăm sáu mươi nghìn năm trăm) đồng, trong đó bao gồm 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng tiền gốc và 2.160.500 (hai triệu một trăm sáu mươi nghìn năm trăm) đồng tiền lãi.

Buộc anh Nguyễn Thành C trả cho Quỹ tín dụng nhân dân P 152.160.500 (một trăm năm mươi hai triệu một trăm sáu mươi nghìn năm trăm) đồng, trong đó bao gồm 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng tiền gốc và 2.160.500 (hai triệu một trăm sáu mươi nghìn năm trăm) đồng tiền lãi.

Kể từ ngày 24 tháng 5 năm 2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc theo mức lãi suất tương ứng của Hợp đồng vay vốn số 521.21HĐVV ngày 17 tháng 12 năm 2021 giữa bên cho vay là Quỹ tín dụng nhân dân P và bên vay là anh Nguyễn Thành C và chị Kiều Thị T.

4.Trường hợp chị Kiều Thị T và anh Nguyễn Thành C không trả nợ thì Quỹ tín dụng nhân dân P có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp gồm nhà và quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 259, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định để thu hồi nợ. Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì chị Kiều Thị T, anh Nguyễn Thành C phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho Quỹ tín dụng.

5.Chị Kiều Thị Tphải chịu 7.908.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạmứngán phímà chị Tđã nộp theo biên lai thu tiền số0006045ngày16 tháng 02 năm 2022 củaChi cục Thi hànhán dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Chị T còn phải nộp 7.608.000 (bảy triệu sáu trăm lẻ tám nghìn) đồng.

Anh Nguyễn Thành C phải chịu 7.608.000 (bảy triệu sáu trăm lẻ tám nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Quỹ tín dụng nhân dân P 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà Quỹ tín dụng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006169 ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặtcó quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án ,quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- CC THADS huyệnTuy Phước;
- UBND X. Phước Hiệp, H. Tuy Phước;
- Lưu hồ sơ vụán.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lệ Quyên